

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 31/12/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.0%	-5.4%	-

DT thuần Q4/25
0.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09 -8.4%
YoY: ▲ 0.04 5.0%

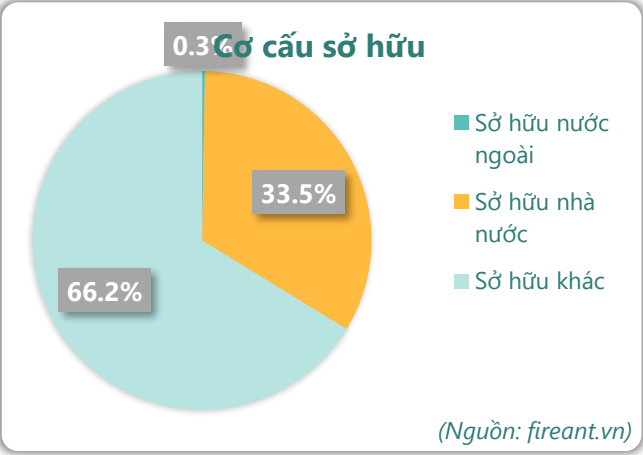
LN thuần Q4/25
1.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40 30.7%
YoY: ▲ 0.84 97.6%

LN sau thuế Q4/25
1.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.46 44.0%
YoY: ▲ 0.82 120%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
143%
YoY: +/-▲ 61.9%

ROE 2025
2.5%
YoY: +/-▲ 1.3%

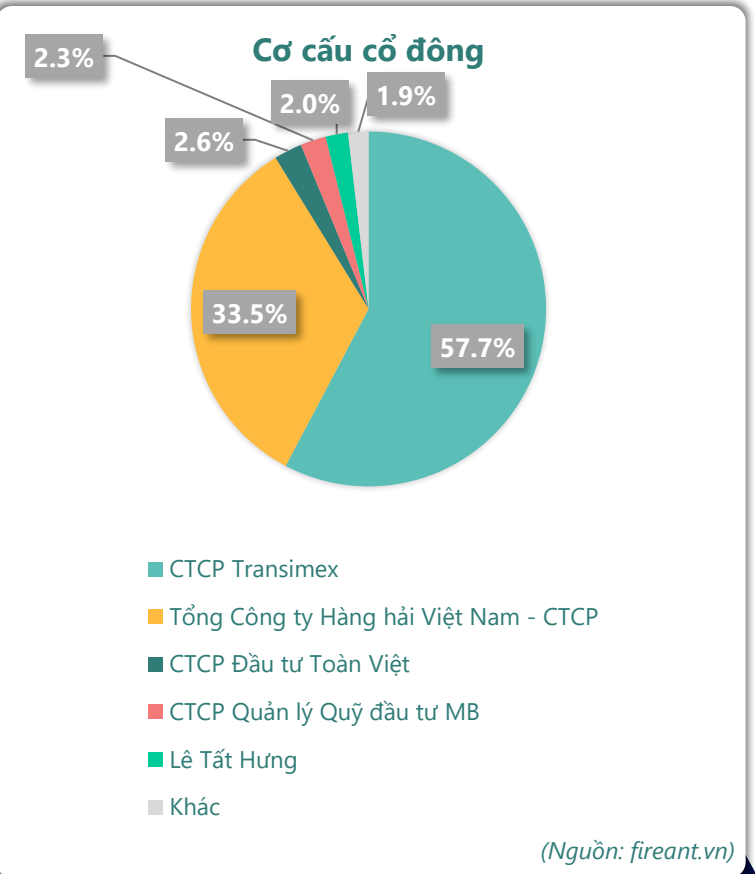
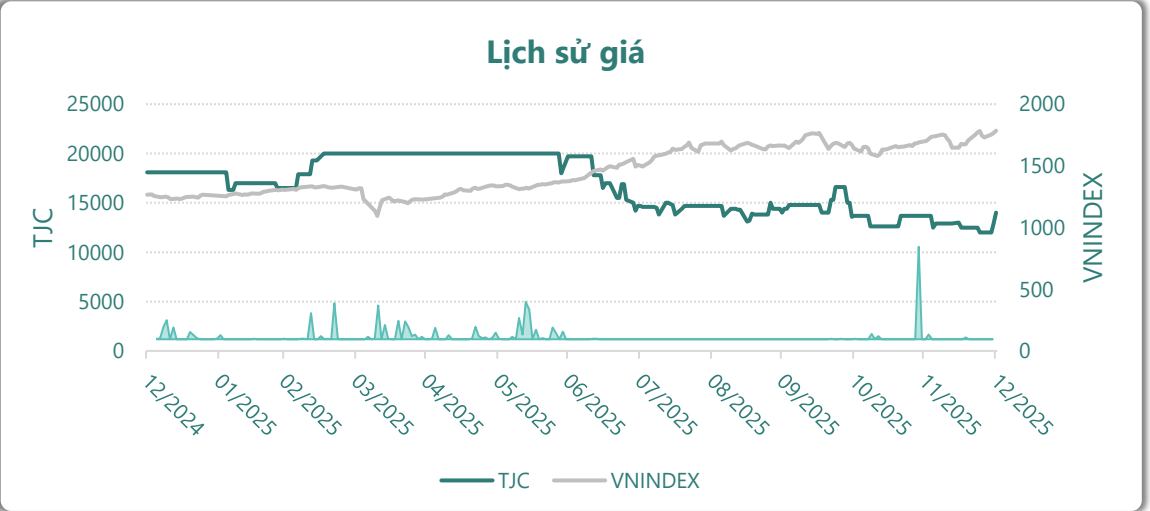
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,000 - 20,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	515
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.02
EPS	514
P/E	27.2



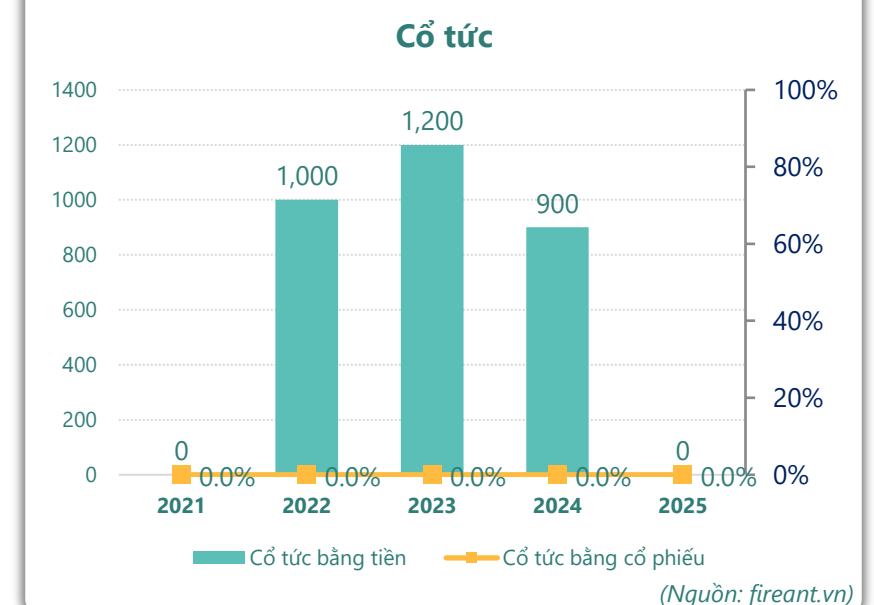
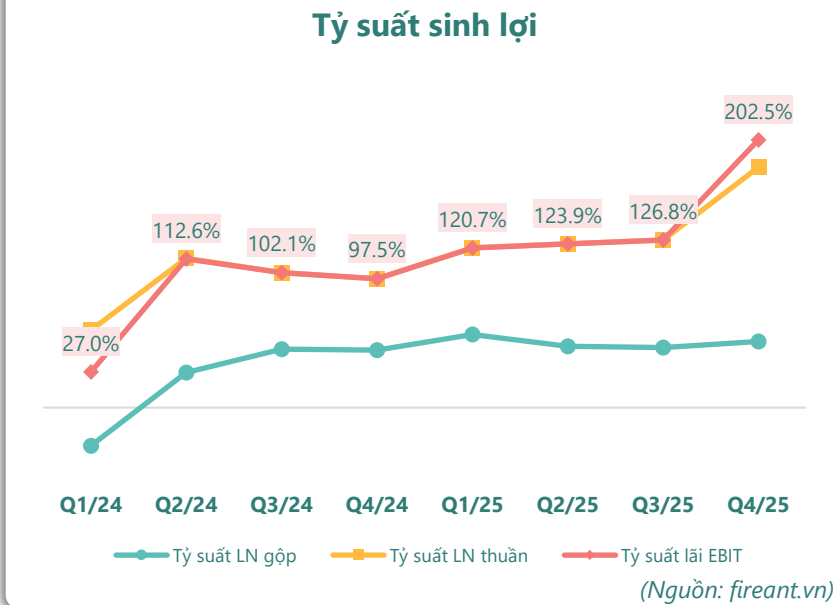
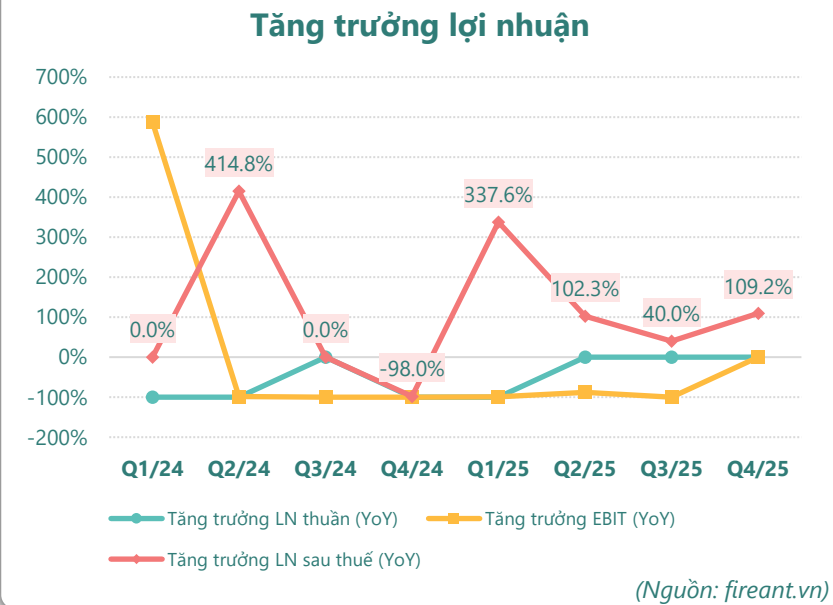
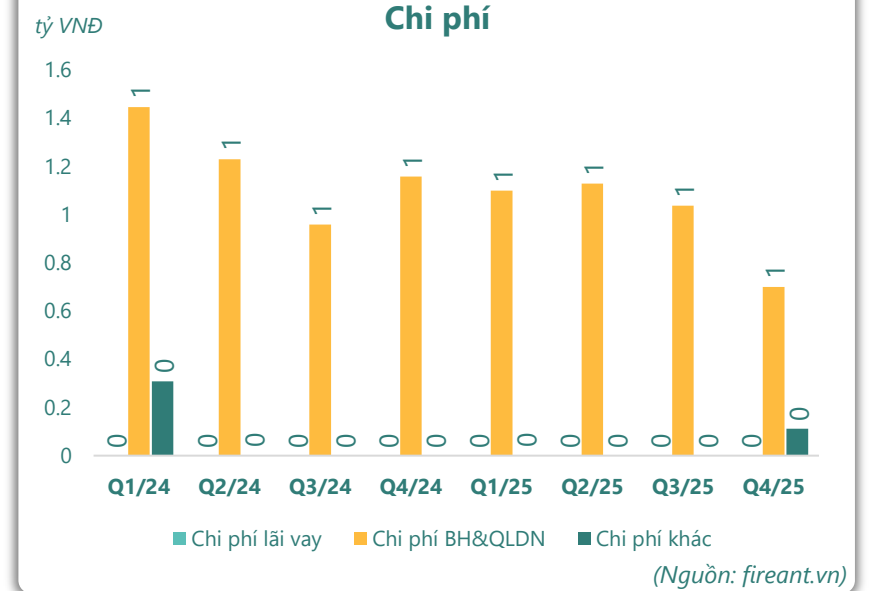
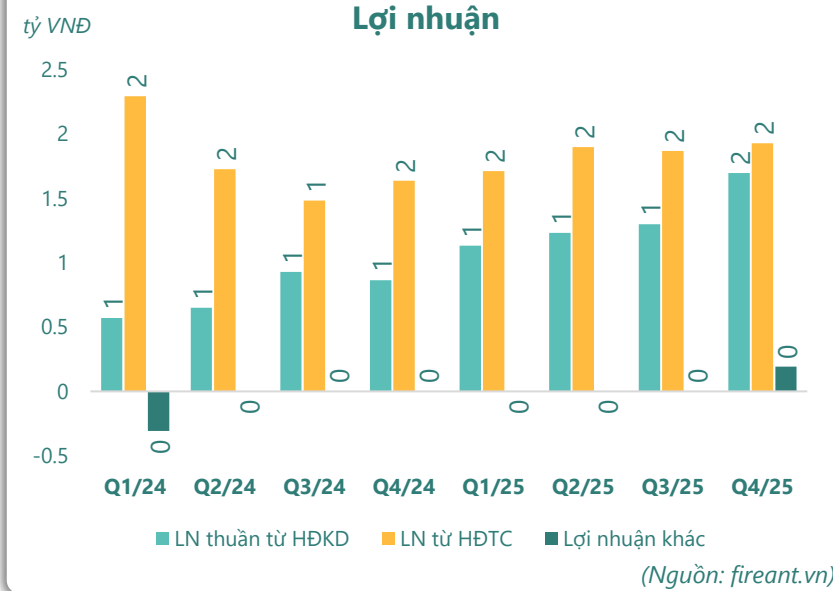
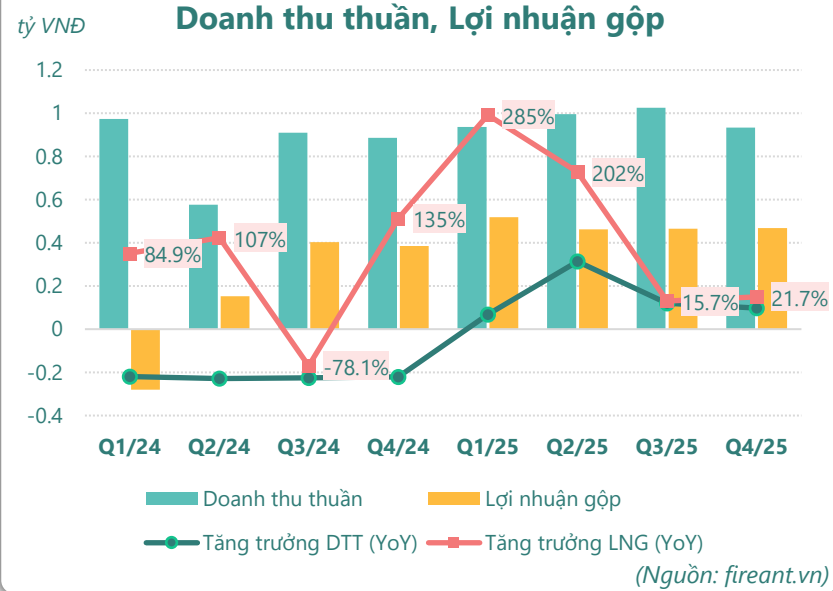
DT thuần 2025
3.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.55 16.4%

LN thuần 2025
5.36
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.35 78.0%

LN sau thuế 2025
4.42
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.27 105%



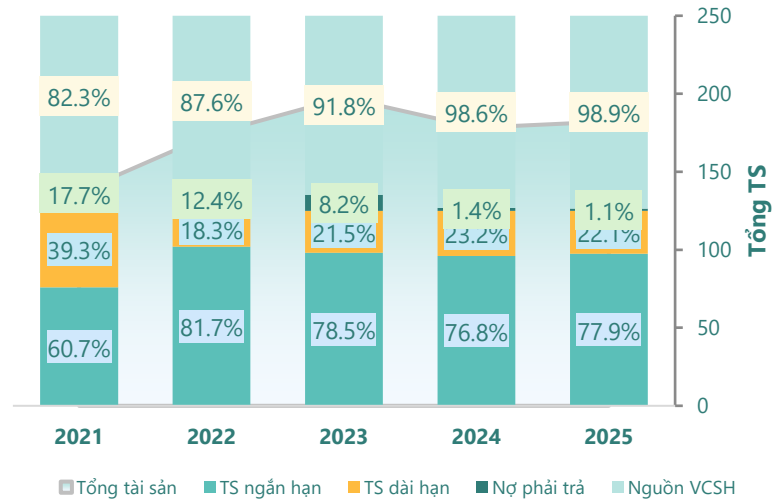
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

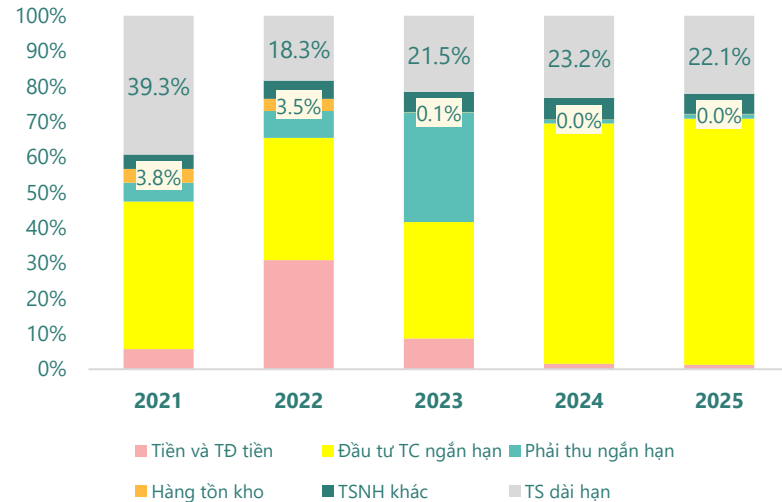
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

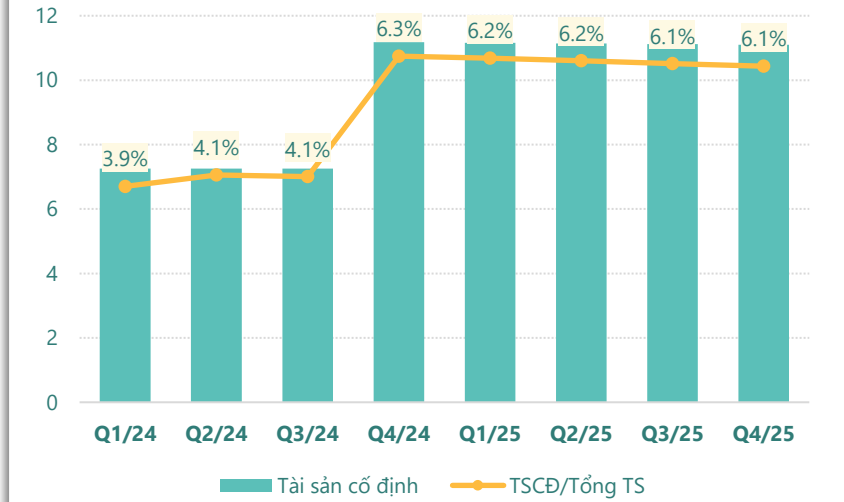
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

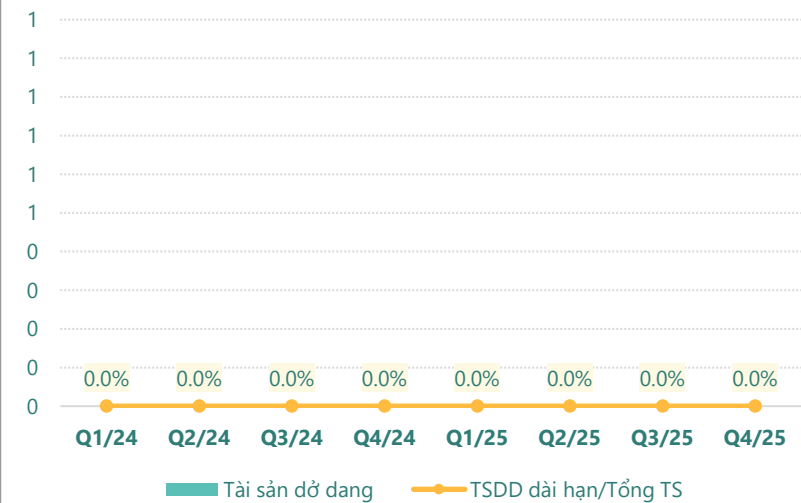
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

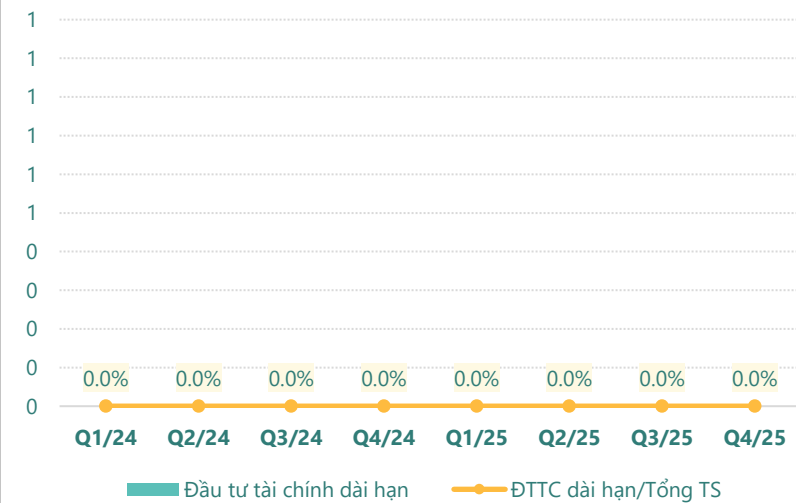
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

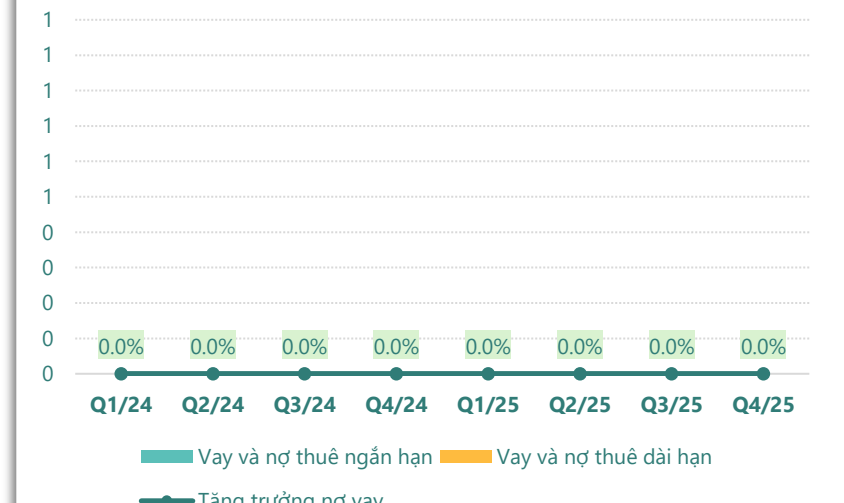
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

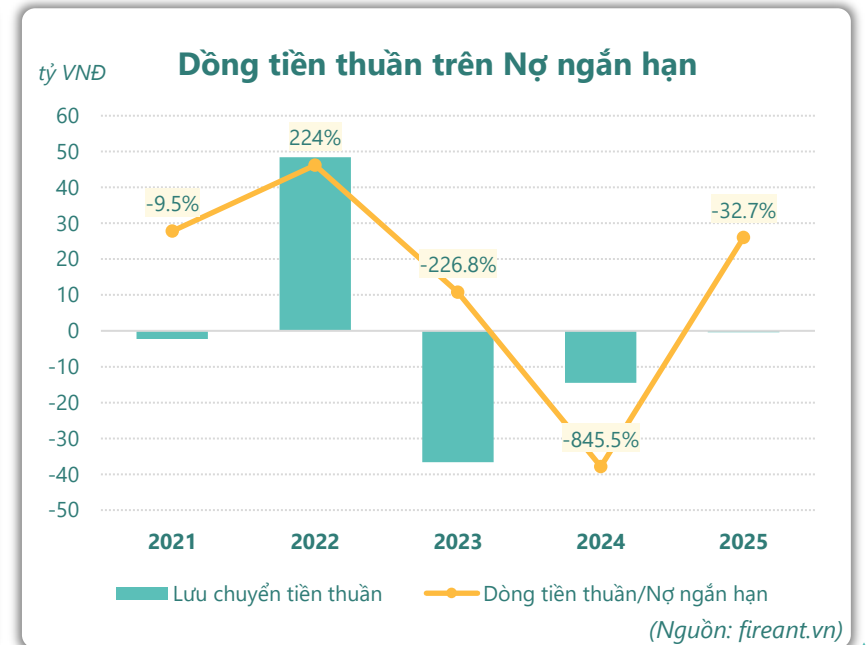
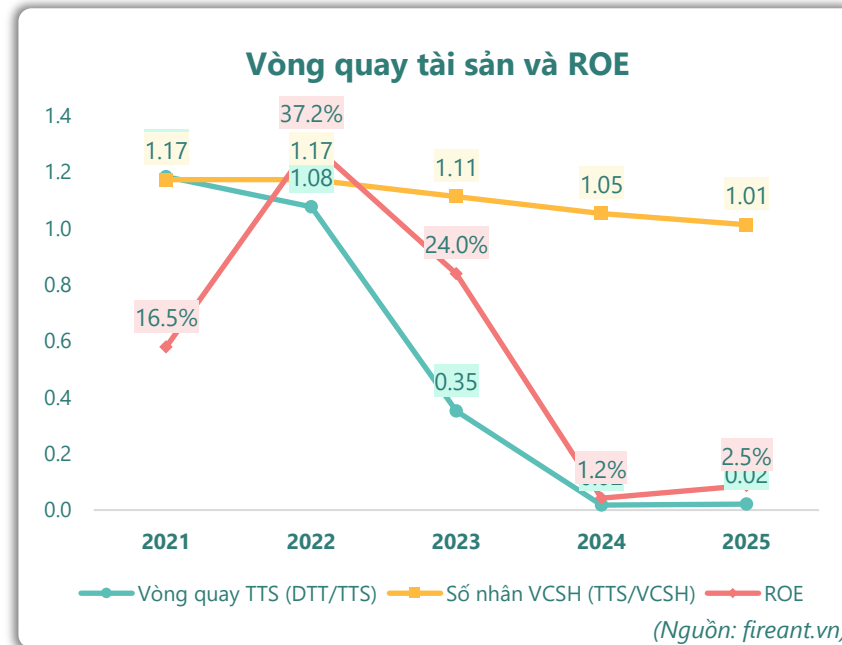
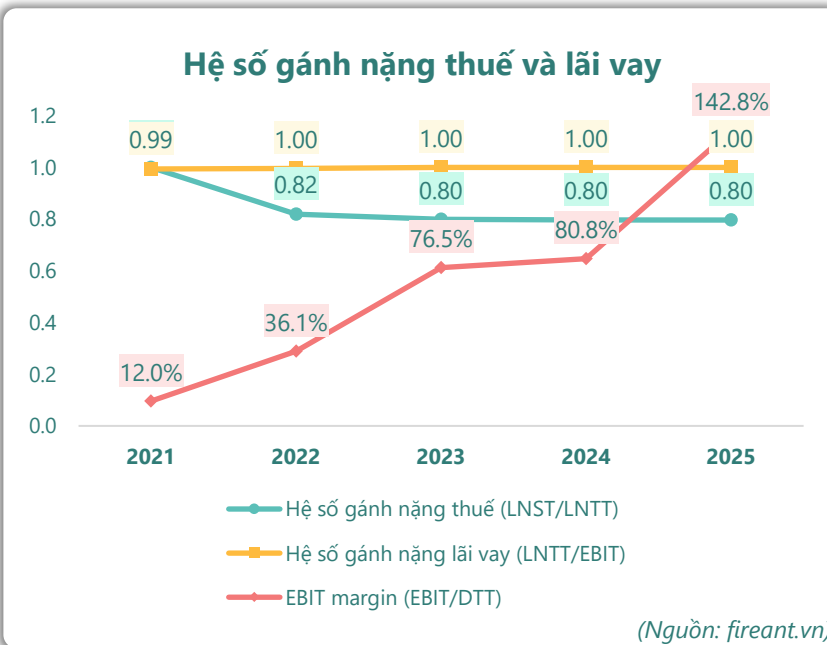
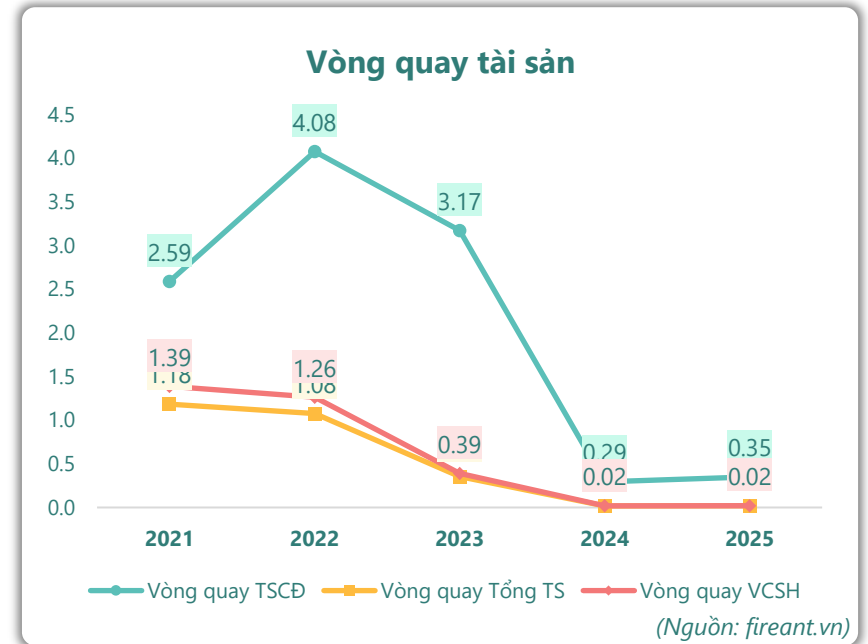
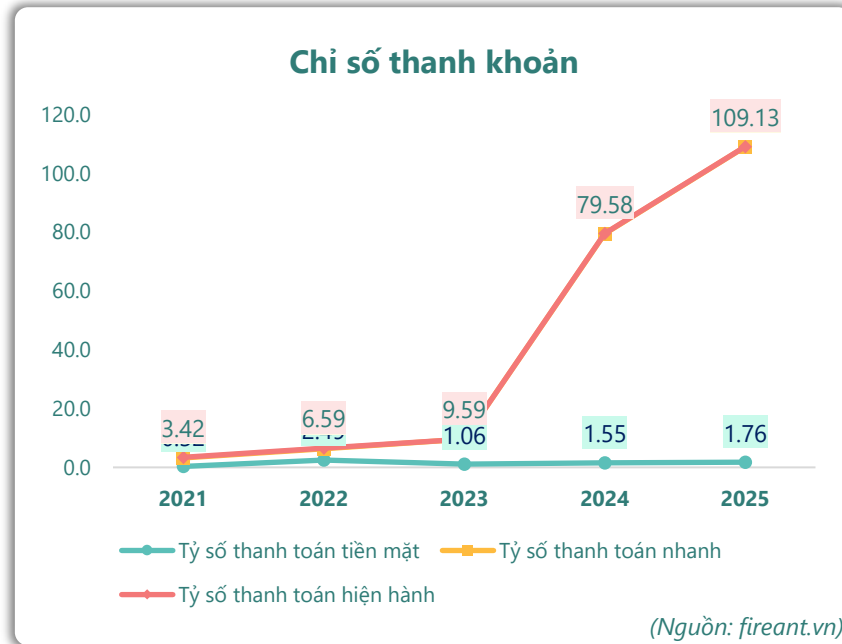
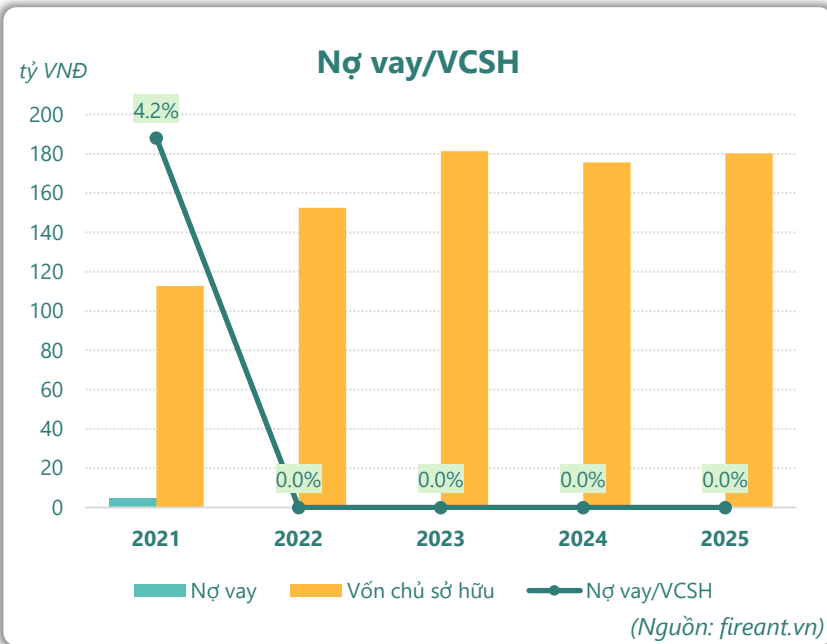
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.93	0.89	5.0%	3.89	3.34	16.4%
Giá vốn hàng bán	0.47	0.50	-6.9%	1.98	2.68	-26.4%
Lợi nhuận gộp	0.47	0.38	23.3%	1.91	0.66	190%
Doanh thu HĐTC	1.93	1.64	17.7%	7.42	7.15	3.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.10	-100%	0.03	0.10	-67.2%
Chi phí QLDN	0.70	1.06	-34.0%	3.93	4.69	-16.2%
LN thuần từ HĐKD	1.70	0.86	97.6%	5.36	3.01	78.0%
Lợi nhuận khác	0.19	0.00		0.19	-0.31	162%
LN trước thuế	1.89	0.86	120%	5.56	2.70	105%
Lợi nhuận sau thuế	1.50	0.68	120%	4.42	2.15	105%
LNST của CĐ cty mẹ	1.50	0.68	120%	4.42	2.15	105%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.89	-0.40	-0.63	-0.49	-0.25	-0.41
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.41	-3.08	0.04	0.72	0.24	0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.84	6.14	2.66	2.07	2.33	2.32
Lưu chuyển tiền thuần	2.30	-3.48	-0.59	0.22	-0.01	-0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.04	0	0.01
Tiền cuối kỳ	6.14	2.66	2.07	2.33	2.32	2.29

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	182	178	2.2%
Tài sản ngắn hạn	142	137	3.8%
Tiền và tương đương tiền	2.29	2.66	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127	121	4.7%
Phải thu ngắn hạn	2.32	2.16	7.6%
Hàng tồn kho	0.08	0.08	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	10.8	-3.0%
Tài sản dài hạn	40.2	41.4	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.1	11.2	-0.7%
Bất động sản đầu tư	28.9	29.8	-3.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.39	-50.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.08	2.50	-16.7%
Nợ ngắn hạn	1.30	1.72	-24.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.04	0.52	-93.0%
Nợ dài hạn	0.78	0.78	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	180	176	2.5%
Vốn chủ sở hữu	180	176	2.5%
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

